

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 01 năm 2024
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.
2. Ông Hà Văn Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24 /2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn P, sinh năm 1996, nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/10/2023 và bản tự khai ngày 20/10/2023 nguyên đơn chị Vi Thị D trình bày:

Chị và anh P kết hôn vào ngày 16/02/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị xin được ly hôn anh Lương Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Vì Thị H, sinh ngày 16/12/2017 và Vì Thị G, sinh ngày 16/6/2020. Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lương Văn P hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng anh P đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị D đối với anh P. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa pH nơi anh P cư trú, kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị D và anh P về chung sống với nhau tại Bản N, xã B, huyện Sông Mã. Hiện nay anh P vẫn có hộ khẩu và cư trú tại Bản N, xã B, tuy nhiên anh P đang đi làm thuê không có mặt tại địa pH, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên Tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu:

Về nội dung vụ án: Chị D và anh P có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ các điều 8, 9 luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính cách không hợp, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh P đã trầm trọng, việc cho chị D ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vì Thị D, tuyên xử cho chị Vì Thị D được ly hôn anh Lương văn P.

Về con chung: Giao các cháu Vì Thị H, sinh ngày 16/12/2017 và Vì Thị G, sinh ngày 16/6/2020 cho chị Vì Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lương Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí xét xử sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Bị đơn Lương Văn P có hộ khẩu thường trú tại Bản N, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Toà án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn, chị Vì Thị D khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Lương Văn P. Vì vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, sau khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành các thủ tục tố tụng, nhưng anh P không chấp hành, không có mặt để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị D kết hôn với anh Lương Văn P trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La năm 2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị D và anh P sống không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị D và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Vì Thị H, sinh ngày 16/12/2017 và Vì Thị G, sinh ngày 16/6/2020. Chị D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng; bên cạnh đó, quá trình xác minh tại địa pH cho thấy: Kể từ khi chị

D và anh P ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung vẫn do chị D và được chị cho ăn học đầy đủ. Do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị D. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Anh P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Không có và không kê khai, không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vì Thị D đối với anh Lương Văn P.

Xử cho chị Vì Thị D được ly hôn anh Lương Văn P.

2. Về con chung: Giao các cháu Thị H, sinh ngày 16/12/2017 và Vì Thị G, sinh ngày 16/6/2020 cho chị Vì Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Vì Thị D, nhưng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Vì Thị D phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000732 ngày 19/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ- ong sự;
- UBND xã B;
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Quyết